

**TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY MIỀN NAM**

Địa chỉ : Số 377, đường Phan Đình Phùng, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum
Email: congtynguyenlieugiaymiennam@gmail.com

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH,
TÀI CHÍNH NĂM 2017**

Kon Tum, Ngày 27 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

KẾ HOẠCH SXKD VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2017

Kính gửi : TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM.

- Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-GVN.HN ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc chuyển Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam thành công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty giấy Việt Nam làm chủ sở hữu.

- Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-GVN.HN, ngày 23/12/2013 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên nguyên liệu giấy Miền Nam.

- Căn cứ công văn số 214/GVN-KH.HN ngày 25/8/2016 của Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc xây dựng kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2017.

Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam xây dựng kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2017 báo cáo Tổng Công ty giấy Việt Nam cụ thể như sau:

A/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016

I/. Những thuận lợi, khó khăn

1/. Thuận lợi:

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo đặc biệt của Tổng Công ty giấy Việt Nam. Được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương nơi Công ty đứng chân, đặc biệt Công ty có đội ngũ CBCNV nhiệt tình đoàn kết gắn bó và có tâm huyết với nghề rừng. Trong những năm gần đây Công ty đã mạnh dạn đổi mới cơ chế trong quản lý, đổi mới phương pháp lãnh đạo trong quá trình điều hành SXKD của Công ty bước đầu đã mang lại hiệu quả đáng được ghi nhận, đặc biệt trong công tác QLBV & PCCCR.

2/. Khó khăn:

- Toàn bộ diện tích rừng trồng nguyên liệu giấy trải dài trên địa bàn của 35 xã thuộc 9 huyện của tỉnh Kon Tum. Hiện trường rừng trồng chủ yếu nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hiện trường có độ dốc cao, đường sá đi lại hết sức khó khăn (Một số địa bàn mùa mưa không thể đến được). Diện tích rừng trồng của Công ty nằm trên các khu vực trong chiến tranh có rải chất độc hóa học là rất lớn, bom mìn còn sót lại sau chiến tranh còn rất nhiều trong khi thời tiết mùa khô hanh ở địa bàn các Tỉnh Tây nguyên hết sức khô cằn, nhiều vụ bom mìn tự phát nổ gây ra cháy rừng.

- Đời sống VHXXH của người dân gần khu vực rừng trồng của Công ty còn nghèo nàn, lạc hậu, sống du canh du cư, tình trạng chặt phá lấn chiếm rừng và đất trồng rừng làm nương rẫy ngày một gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp.

- Một số Ban trồng rừng thuộc Công ty chưa có văn phòng làm việc nên phải đi thuê do đó thường xuyên bị ép và nâng giá thuê nhà hàng năm, đây cũng là một áp lực rất lớn về tài chính đối với Công ty.

- Do địa hình đồi núi phức tạp, đường sá đi lại khó khăn, thời tiết khu vực Tây Nguyên rất khắc nghiệt nên chi phí phục vụ công tác PCCCR hàng năm phát sinh rất lớn để thuê lực lượng trực PCCCR sáu tháng mùa khô, thuê xe trục, xe chở nước, làm cầu ngầm... trong khi nguồn kinh phí của Công ty rất hạn hẹp không đủ bù đắp cho công trình, hạng mục công trình và các chi phí khác phục vụ cho công tác PCCCR hàng năm, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu vốn trong công tác điều hành SXKD của Công ty.

+ Gỗ khai thác tia thưa là loại gỗ nhỏ, chất lượng kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ trong khu vực chưa hình thành, cung đường vận chuyển xa, chi phí khai thác, chi phí vận chuyển cao dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm gỗ không thuận lợi nên tiến độ khai thác chậm.

- Nguồn vốn QLBV, PCCCR kế hoạch năm 2016 đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được giải ngân, do đó Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc điều hành SXKD.

II/. Tình hình thực hiện năm 2016.

1/. Tình hình thực hiện công tác lâm sinh và vay vốn KH năm 2016:

T T	Nội dung	ĐVT	KH nguồn vốn TH năm 2016	Vốn đã giải ngân	Vốn chưa giải ngân	Nguồn vốn
1	QLBV rừng 2000-2004	Tr.đ	17.368		17.368	Vay NHPT
2	QLBV rừng 2006	Tr.đ	149		149	Tcty, tự có
TỔNG CỘNG			17.517		17.517	

Ghi chú : Khối lượng lâm sinh thực hiện năm 2016 đến nay Công ty vẫn chưa được vay vốn vì đang hoàn thiện các thủ tục để ký kết hợp đồng. Dự kiến giải ngân trong tháng 01/2017.

2/. Giá thành bình quân đối với diện tích rừng Thông ba lá hiện còn tính đến 30/9/2016 là: $550.527.050.319$ đồng/ $8.758,20$ ha = $62.858.470$ đồng/ha.

TT	Loài cây	Giá thành đối với rừng Thông đến 30/9/2016 (đồng)	Diện tích rừng Thông hiện còn (ha)	Giá thành BQ (đồng/ha)
1	Cây Thông năm 2000	50.920.252.263	753,7	67.560.372
2	Cây Thông năm 2001	163.593.671.776	2.490,78	65.679.695
3	Cây Thông năm 2002	277.636.740.642	4.629,02	59.977.434
4	Cây Thông năm 2003	23.292.636.021	405,2	57.484.294
5	Cây Thông năm 2004	29.782.558.309	402,4	74.012.322
6	Cây Thông năm 2006	5.301.191.308	77,1	68.757.345
Cộng		550.527.050.319	8.758,20	62.858.470

3/. Tình hình hoạt động SXKD tại Nhà máy chế biến gỗ.

a/. Kết quả hoạt động SXKD từ tháng 6/2015 đến tháng 11/2016.

*** Thời gian từ tháng 6/2015 đến 31/12/2015**

Sau khi nhà máy xây dựng hoàn thành bắt đầu từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2015, Nhà máy đi vào hoạt động sản xuất thử, ổn định công tác tổ chức, nhân sự của Nhà máy. Phục vụ các đoàn kiểm tra nghiệm thu, định mức tiêu hao nguyên liệu gỗ đầu vào của Tổng công ty. Kết quả sản xuất, tiêu thụ và kết quả kinh doanh đến 31/12/2015 cụ thể như sau.

TT	Nội dung	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành tiền
1	Doanh thu bán hàng	4.573,83	2.638.069	12.066.078.909
2	Giá vốn hàng bán	4.573,83	2.487.199	11.376.026.494
3	Lợi nhuận	4.573,83	150.870	690.052.415

Ghi chú : Phần hiệu quả kinh doanh SX ván Veneer trên Công ty chưa tính phần lãi vay vì ngày 31/12/2015 Tổng công ty mới bàn giao tài sản cho Công ty. Bắt đầu từ tháng 01/2016 trở đi công ty tính phần lãi vay theo quy định.

*** Kết quả sản xuất kinh doanh ước thực hiện năm 2016.**

- Kết quả SXKD ván Veneer từ tháng 01/2016 đến 30/11/2016

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng (m ³)	Đơn giá BQ (đ/m ³)	Thành tiền
1	Doanh thu bán hàng		7.761,45		21.741.136.571
-	Loại AB	m ³	6.319,01	3.050.244	19.274.530.864
-	Loại C	m ³	1.419,62	1.556.637	2.209.837.052
-	Loại D	m ³	22,813	900.000	20.531.700
-	Lãi thông	Lãi	82.008	623	51.110.855
-	Phế phẩm rác	Tấn	2.766,20	66.924	185.126.100
2	Giá vốn hàng bán		7.761,45	2.732.622	21.209.102.741
3	Lợi nhuận				532.033.830

- Kết quả SXKD ván Veneer ước thực hiện tháng 12/2016

Stt	Nội dung	ĐVT	S.lượng (m ³)	Đơn giá BQ (đ/m ³)	Thành tiền
1	Doanh thu bán hàng		1.000,00		2.826.202.950
-	Loại AB	m ³	850,00	3.050.244	2.592.707.400
-	Loại C	m ³	150,00	1.556.637	233.495.550
2	Giá vốn hàng bán		1.000,00	2.732.622	2.732.622.000
3	Lợi nhuận				93.580.950

Ghi chú : Từ ngày 01/5 đến ngày 23/6 do Nhà máy bị hư hỏng lò dầu do đó phải ngừng sản xuất để sửa chữa thay thế và bắt đầu sản xuất lại từ ngày 24/6/2016 (Công ty đã có báo cáo cho Tổng công ty giấy Việt Nam tại báo cáo số 23/BC-NLGMN, ngày 04/07/2016). Trong thời gian nhà máy ngừng sản xuất nhưng Công ty vẫn phải trích khấu hao tài sản cố định và vẫn phải tính lãi tiền vay do đó ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Bắt đầu từ 01/07/2016 đối với phần nguyên liệu gỗ đầu vào nhập tại Nhà máy Công ty áp dụng đơn giá 950.000 đồng/m³ (Gỗ có đường kính đầu nhỏ từ 12cm trở lên, không cong queo).

- Đối với chi phí nhân công khoán bình quân 420.000 đ/m³

- Chi phí khấu hao: Tài sản cố định là máy móc thiết bị khấu hao theo phương pháp sản lượng sản xuất; Tài sản cố định khác khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Chi phí sản xuất : Bao gồm lương, các khoản bảo hiểm của cán bộ quản lý, chi phí tiền điện, chi phí sản xuất...

- Chi phí lãi vay : Tính theo mức lãi vay của Tổng công ty với Ngân hàng với lãi suất vay 12%/năm.

b/. Chi phí khắc phục sự cố hư hỏng lò dầu Công ty đã chi để sửa chữa.

Sau khi sự cố hư hỏng lò dầu xảy ra, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã Thông báo cho nhà thầu lắp đặt thiết bị để có biện pháp xử lý. Để kịp thời cho sản xuất, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam trước mắt đã chi phí để khắc phục, sửa chữa sự cố với số tiền là **647.622.000 đồng** bao gồm các khoản chi phí cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Chi phí thông 03 buồng sấy	33.000.000	
2	Chi phí súc lò và kiểm định chất lượng dầu	154.000.000	
3	Chi phí mua dầu thay mới (49 phuy = 10.241 lít)	450.122.000	
4	Chi phí thuê nhân công phụ sửa chữa lò sấy	10.500.000	
Cộng		647.622.000	

4/. Kết quả SXKD toàn Công ty ước thực hiện cả năm 2016.

TT	Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lãi (+); Lỗ (-)
I	Thực hiện đến 30/11/2016	39.736.718.660	38.381.816.384	1.354.902.276
1	Tĩa thừa rừng Thông	10.483.445.500	10.483.445.500	0
2	SX ván Veneer	21.741.136.571	21.209.102.741	532.033.830
3	Khai thác tận thu nhựa Thông	3.644.586.625	2.723.512.299	921.074.326
4	Thu tiền DV MTR	3.716.102.668	3.716.102.668	0
5	Đền bù rừng Thông	94.006.604	206.916.924	-112.910.320
6	Khác (Lãi tiền gửi, bán HSMT, khác)	57.440.692	42.736.252	14.704.440
II	Ước thực hiện tháng 12/2016	5.306.202.950	5.059.854.800	246.348.150
1	Tĩa thừa rừng Thông	2.000.000.000	2.000.000.000	0
2	SX ván Veneer	2.826.202.950	2.732.622.000	93.580.950
3	Khai thác tận thu nhựa Thông	480.000.000	327.232.800	152.767.200
4	Thu tiền DV MTR			0
III	Ước thực hiện cả năm 2016	45.042.921.610	43.441.671.184	1.601.250.426
1	Tĩa thừa rừng Thông	12.483.445.500	12.483.445.500	0
2	SX ván Veneer	24.567.339.521	23.941.724.741	625.614.780
3	Khai thác tận thu nhựa Thông	4.124.586.625	3.050.745.099	1.073.841.526
4	Thu tiền DV MTR	3.716.102.668	3.716.102.668	0
5	Đền bù rừng Thông	94.006.604	206.916.924	-112.910.320
6	Khác (Lãi tiền gửi, bán HSMT, khác)	57.440.692	42.736.252	14.704.440

Ghi chú :

- Phần đền bù thiệt hại rừng Thông, năm 2015 Công ty đã thu và hạch toán vào kết quả SXKD năm 2015, nhưng chưa chi trả lại phần diện tích đền bù của hộ gia đình nhận khoán theo Nghị định 135. Năm 2016 Công ty mới tính toán và chi trả cho hộ gia đình nhận khoán số tiền là : 206.916.924 đồng.

- Đối với phần tía thừa rừng Thông : Do công tác tía thừa là biện pháp lâm sinh, tạo điều kiện cho rừng không gian dinh dưỡng để phát triển. Phần doanh thu từ việc khai thác tía thừa không bù đắp được chi phí đã đầu tư và các khoản chi phí liên quan đến việc khai thác, tiêu thụ. Do đó toàn bộ phần doanh thu này sau khi trừ đi các khoản chi phí liên quan đến việc khai thác tiêu thụ, phần còn lại Công ty hạch toán giảm giá trị đầu tư (Giảm TK 154) do đó hòa vốn.

- Đối với hoạt động SX gỗ ván Veneer : Từ ngày 01/5 đến ngày 23/6 do Nhà máy bị hư hỏng lò dầu do đó phải ngừng sản xuất để sửa chữa thay thế và bắt đầu sản xuất lại từ ngày 24/6/2016 (Công ty đã có báo cáo cho Tổng công ty giấy Việt Nam tại báo cáo số 23/BC-NLGMN, ngày 04/07/2016). Trong thời gian nhà máy ngưng sản xuất nhưng vẫn phải trích khấu hao tài sản và vẫn phải tính lãi tiền vay do đó hiệu quả chưa cao.

- Đối với nguồn thu tiền dịch vụ môi trường rừng: Hàng năm khi nhận được tiền dịch vụ môi trường rừng, Công ty hạch toán vào nguồn thu nhập khác đồng thời trích trước toàn bộ số tiền thu được vào chi phí khác và hạch toán vào kết quả kinh doanh, đồng thời theo dõi trên sổ kế toán (**Ghi có TK 335**) để chi phục vụ cho công tác QL BVR (Những hạng mục thiếu nguồn, những hạng mục không được vay vốn tại NHPT), trường hợp trong năm chi không hết thì chuyển sang năm sau để chi tiếp.

5/. Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước thực hiện đến 30/11/2016 và dự kiến thực hiện đến 31/12/2016 cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số đã nộp NSNN đến 30/11/2016	Ước thực hiện tháng 12/2016	Ước thực hiện cả năm 2016
1	Thuế môn bài	Tr.đồng	14,00		14,00
2	Thuế VAT	Tr.đồng	2.902,88	250,00	3.152,88
2	Thuế khác	Tr.đồng	207,37		207,37
Cộng			3.124,25	250,00	3.374,25

6/. Tình hình vay vốn, trả nợ vay cho NHPT và Tổng công ty.

a/. Tình hình vay và trả nợ vốn cho Ngân hàng phát triển Kon Tum.

TT	Nội dung	Nợ gốc	Nợ lãi	Cộng
1	Tổng số tiền đã vay	411.186.345.000	169.178.539.409	580.364.884.409
-	Dự án rừng nguyên liệu giấy	399.630.714.000	164.496.029.555	564.126.743.555
-	Dự án PCCCR	11.555.631.000	4.682.509.854	16.238.140.854
2	Tổng số tiền đã trả	61.361.681.106	14.880.461.060	76.242.142.166
-	Dự án rừng nguyên liệu giấy	50.065.681.106	10.197.951.206	60.263.632.312
-	Dự án PCCCR	11.296.000.000	4.682.509.854	15.978.509.854
3	Số tiền còn lại phải trả	349.824.663.894	154.298.078.349	504.122.742.243
-	Dự án rừng nguyên liệu giấy	349.565.032.894	154.298.078.349	503.863.111.243
-	Dự án PCCCR	259.631.000	0	259.631.000

Ghi chú :

- **Đối với Dự án PCCCR nguyên liệu giấy Kon Tum :** Năm 2016, Công ty phải trả nợ đối với dự án PCCCR nguyên liệu giấy Kon Tum số tiền là : 1.640 triệu đồng, Công ty trả nợ đến hạn, kịp thời. Không để phát sinh nợ quá hạn. Số nợ còn lại 259.631.000 đồng Công ty sẽ trả nợ vào Quý I/2017.

- **Đối với Dự án phát triển vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum.**

Năm 2016, theo kế hoạch thì Công ty phải trả nợ vay cho NHPT đối với cây Thông trồng năm 2000 và 2001 cho Chi nhánh NHPT Kon Tum số tiền là 94,684 tỷ đồng (trong đó : Nợ gốc: 70,516 tỷ đồng; Nợ lãi : 40,265 tỷ đồng).

Hiện nay, toàn bộ số nợ nêu trên đã được Ngân hàng phát triển đồng ý cho gia hạn nợ đến thời điểm ngày 01/01/2017 (Trong thời gian chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế vay vốn chuyển đổi chu kỳ 25 năm).

b/. Tình hình vay và trả nợ cho Tổng công ty Giấy Việt Nam đến 12/2016.

TT	Nội dung vay	Số tiền vay phải trả	Số tiền đã trả	Số còn lại phải trả
I	Vay SXKD và trả nợ	52.449.698.272	0	52.449.698.272
1	Vay tiền SXKD, trả nợ	36.151.570.126		36.151.570.126
2	Vay tiền thực hiện Dự án PCCCR	7.995.900.000		7.995.900.000
3	Vay trồng, CS rừng 2006	4.663.288.419		4.663.288.419
4	Vay tiền trồng rừng khảo nghiệm	200.000.000		200.000.000
5	Nhập hạt giống Keo ngoại	135.627.500		135.627.500
6	Lãi vay vốn SXKD và trả nợ	3.303.312.227		3.303.312.227
II	Vay xây dựng Nhà máy chế biến gỗ	16.584.278.359	3.845.360.451	12.738.917.908
1	XD Nhà máy chế biến gỗ ván Veneer	14.844.098.908	2.105.181.000	12.738.917.908
2	Lãi vay (Nhà máy ván Veneer)	1.740.179.451	1.740.179.451	0
III	Thuê TV XDPA chuyển đổi 25 năm	686.520.000	0	686.520.000
1	Thuê TV XDPA chuyển đổi 25 năm	686.520.000		686.520.000
Cộng		69.720.496.631	3.845.360.451	65.875.136.180

7/. Công tác khai thác tĩa thừa từ năm 2012 đến năm 2016.

Thực hiện Quyết định số 175/QĐ-GVN.HN ngày 06/4/2012 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty giấy Việt Nam về việc phê duyệt phương án khai thác tĩa thừa rừng Thông ba lá tại Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam từ năm 2012 đến năm 2016; bắt đầu từ năm 2012 đến nay, sau khi hồ sơ thiết kế được phê duyệt, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã tổ chức bán đấu giá cây đứng và tổ chức khai thác tĩa thừa đối tượng rừng thông trồng năm 2000, 2001 và 2002 tính đến ngày 31/12/2016 cụ thể như sau.

TT	Năm	Loại rừng						Tổng cộng	
		Thông 2000		Thông 2001		Thông 2002			
		Diện tích (ha)	Sản lượng (m3)	Diện tích (ha)	Sản lượng (m3)	Diện tích (ha)	Sản lượng (m3)	Diện tích (ha)	Sản lượng (m3)
1	Năm 2012	108,38	2.857					108,38	2.857
2	Năm 2013	434,72	9.758	28,6	773			463,32	10.531
3	Năm 2014			215,3	6.354			215,30	6.354
4	Năm 2015			457,88	15.010	160,95	5.196	618,83	20.206
5	Năm 2016			586,5	21.092	659,65	24.230	1.246,15	45.322
Cộng		543,10	12.615	1288,28	43.229	820,60	29.426	2.651,98	85.270

Đánh giá chung:

Tính đến thời điểm hiện nay tiến độ khai thác tia thưa chưa đáp ứng được yêu cầu, so với kế hoạch đề ra mới đạt 38% (2.651,98 ha/6.953,32ha) là do bị tác động bởi các nguyên nhân sau đây:

+ Gỗ khai thác tia thưa là loại gỗ nhỏ, chất lượng kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ trong khu vực ít thậm trí không có (Nhiều đối tác đã đấu giá trúng thầu nhưng không thể tổ chức khai thác được vì khi khai thác sẽ dẫn đến thua lỗ), cung đường vận chuyển xa, chi phí vận chuyển cao dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm gỗ không thuận lợi nên tiến độ khai thác chậm.

+ Đặc thù khu vực rừng trồng có đồi núi chia cắt mạnh, điều kiện khai thác khó khăn đã làm cho chi phí khai thác tăng cao (Phải thi công đường vận chuyển vận xuất tính cho 1m³ là rất cao), làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của sản phẩm gỗ. Nhiều diện tích rừng không thể tổ chức khai thác do không có đường vận xuất gỗ và cũng không thể mở đường mới dưới chân lô rừng vì phải tốn chi phí đền bù nương rẫy của người dân, việc chuyển gỗ thủ công ngược dốc càng không thể thực hiện được ở những nơi có độ dốc cao.

+ Thời tiết Tây nguyên không thuận lợi cho công tác khai thác (mùa mưa kéo dài 6 tháng) cũng là nguyên nhân làm cho tiến độ khai thác chậm.

8/. Công tác phát luống chặt nuôi dưỡng rừng.

Toàn bộ diện tích rừng trồng công ty đang quản lý có 673,30 ha thuộc đối tượng khai thác tia thưa lần 1, nhưng do địa hình phức tạp không thể tận thu được sản phẩm tia thưa, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã lập phương án chặt tia thưa điều tiết mật độ tạo không gian dinh dưỡng cho rừng sinh trưởng và phát triển. Ngày 27/07/2015, Tổng giám đốc Tổng công ty giấy Việt Nam đã phê duyệt tại Quyết định số 834/QĐ - GVN.PT, đến thời điểm hiện nay Công ty đã triển khai thực hiện xong 100% khối lượng công việc theo kế hoạch.

9/. Công tác khai thác tận thu nhựa Thông.

Để tận thu lâm sản ngoài gỗ trên đối tượng rừng khai thác tia thưa, Công ty đã tổ chức cho khai thác tận thu nhựa Thông trên những cây thông trước khi đưa vào khai thác tia thưa. Năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng với các đối tác khai thác tận thu nhựa Thông với diện tích là 1.707,04 ha (Rừng 2001: 177,20 ha; Rừng 2002: 1.166,04 ha;

Rừng 2003: 241,0 ha; Rừng 2004 : 122,8 ha). Doanh thu ước đạt được khoảng 2,6 tỷ đồng. Sau khi trừ đi các khoản chi phí liên quan, lãi dự kiến khoảng 700 triệu đồng.

Ghi chú : Phần diện tích và thu nhập nêu trên Công ty chưa khấu trừ một số diện tích Công ty ngưng khai thác nhựa Thông để đưa vào khai thác tia thưa và phải phân chia lợi nhuận trên phần diện tích liên doanh liên kết với Công ty lâm nghiệp Đắk Tô.

10/. Công tác đánh giá cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC và COC.

Thời gian từ ngày 11/10 đến ngày 14/10/2016, Tổ chức GFA và Tổ chức Rainforest - Alliance đã tổ chức đánh giá chính để cấp chứng chỉ FSC và FSC/COC cho Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam và đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

- Kết quả đánh giá chính của Tổ chức GFA đối với cấp chứng chỉ FSC : Gồm 01 lỗi lớn, 08 lỗi nhỏ và 05 lỗi quan sát. Công ty đã được Tổ chức GFA cấp chứng chỉ FSC trong tháng 12/2016 (Mã số chứng chỉ rừng: GFA-FM/COC-002965).

- Kết quả đánh giá chính của Tổ chức Rainforest - Alliance đối với cấp chứng chỉ FSC/COC : Gồm 04 lỗi quan sát (Không có lỗi lớn). Công ty đã được Tổ chức Rainforest - Alliance cấp chứng chỉ FSC/COC trong tháng 12/2016. (Mã số chứng chỉ COC : RA-COC-007580).

11/. Công tác chào hàng cạnh tranh mua bảo hiểm cháy nổ .

Thực hiện yêu cầu của Ngân hàng phát triển về việc mua bảo hiểm đối với diện tích rừng Thông ba lá, vào đầu tháng 12/2016, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã tiến hành thông báo chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu : Bảo hiểm cháy nổ, thiên tai và sâu bệnh hại rừng trồng. Các đơn vị đã tham gia mua hồ sơ yêu cầu và nộp hồ sơ chào hàng cụ thể như sau:

a/. Các Nhà thầu mua hồ sơ yêu cầu : Công ty Bảo Minh Kon Tum; Công ty Bảo hiểm Bảo Long Gia Lai; Công ty Bảo Việt Kon Tum.

b/. Các Nhà thầu nộp hồ sơ chào hàng theo đúng quy định : Công ty Bảo Minh Kon Tum; Công ty Bảo Việt Kon Tum.

c/. Nhà thầu trúng thầu mua bảo hiểm : Sau khi mở thầu công khai, các thông tin chính cụ thể như sau:

TT	Thông tin chủ yếu	Tên Nhà thầu		Ghi chú
		Công ty Bảo Minh Kon Tum	Công ty Bảo Việt Kon Tum	
1	Giá chào hàng	496.155.000	654.271.031	
2	Mức bồi thường			
-	Chết cây	Theo chi phí ban đầu đến khi thời điểm xảy ra tổn thất	100%	
-	Ảnh hưởng sinh trưởng	Không bồi thường		
+	Từ 1- 30%		0%	
+	Từ 31- 50%		50.000 đồng/cây	
+	Từ 51- 70%		70.000 đồng/cây	
+	Từ 71- 100%		100.000 đồng/cây	

Hội đồng đấu thầu chào giá cạnh tranh thống nhất đề nghị Công ty chọn Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm và mức bồi thường tốt hơn là Công ty Bảo Việt Kon Tum, báo cáo Tổng công ty Giấy Việt Nam. Sau khi có ý kiến của Tổng công ty, Công ty sẽ triển khai ký kết hợp đồng để mua Bảo hiểm.

12/. Công tác xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ.

Năm 2016, Công ty sử dụng nguồn vốn tự có để xây dựng một số hạng mục và mua sắm TSCĐ phục vụ cho công tác sản xuất của Công ty cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	XD đường nội bộ, nhà bảo vệ trạm cân gỗ	112.571.000	
2	Thi công xây đá kê sạt lở văn phòng ban Rờ Kơi	162.488.970	
3	Thi công làm mái hiên để xe tại VU	65.030.000	
4	Mua máy in HP Designjet T730 36in	79.000.000	
5	Mua máy vi tính Macbook 2016	42.100.000	
Cộng		461.189.970	

B/. ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017.

I/. Công tác sản xuất khâu lâm sinh.

1/. Công tác trồng, chăm sóc rừng 135.

Năm 2017, Công ty giao khoán cho Hộ gia đình nhận khoán theo Nghị định 135, hộ gia đình tự bỏ 100% vốn để đầu tư trồng, chăm sóc năm 1 rừng Thông, diện tích dự kiến 100 ha; và CS năm thứ 3 rừng Keo 135 trồng năm 2015 là 56,9 ha.

2/. Công tác Quản lý bảo vệ, PCCCR năm 2017.

TT	Nội dung	DT	Kế hoạch vốn năm 2017	Ghi chú
1	Vốn vay NHPT	8.681,10	19.643.626.550	
-	QLBV rừng Thông 2000-2004	8.681,10	19.643.626.550	
2	Vốn vay Tcty, tự có	77,1	168.904.182	
-	QLBV rừng Thông 2006	77,1	168.904.182	
Cộng		8.758,20	19.812.530.732	

3/. Công tác khai thác tia thưa rừng Thông năm 2017.

Năm 2017, công ty dự kiến khai thác tia thưa 1.200 ha cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Năm trồng			Sản lượng (m3)		
		Thông 2001	Thông 2002	Cộng	Gỗ xẻ (D>=10cm)	Gỗ NLG (D <10cm)	Cộng
1	Thông	611,67	588,33	1.200,00	35.303,86	7.531,27	42.835,14
Cộng		611,67	588,33	1.200,00	35.303,86	7.531,27	42.835,14

Trong đó :

- Gỗ Thông có đường kính $D \geq 12$ cm phục vụ sản xuất ván Veneer: 10.452 m^3 thành phẩm $\times 1,918 = 20.047 \text{ m}^3$ gỗ tròn.

- Phần sản lượng gỗ khai thác tia thưa còn lại dự kiến bán cây đứng với giá bán khởi điểm là 300.000 đồng/ m^3 thì doanh thu ước thực hiện là :

$$22.788,14 \text{ m}^3 \times 300.000 \text{ đồng/m}^3 = 6.836.440.540 \text{ đồng.}$$

4/. Công tác khai thác tận thu nhựa Thông năm 2017.

Năm 2017, Công ty sẽ tiếp tục tận thu nhựa Thông đối với phần diện tích đang thực hiện năm 2016 chưa khai thác tia thưa. Đồng thời Công ty lập phương án trình Tổng công ty cho phép Công ty được triển khai khai thác tận thu nhựa Thông trên đối tượng rừng tia thưa lần 2 (Rừng Thông 2000 và 2001).

II/. Công tác sản xuất chế biến gỗ ván Veneer.

1/. Năng suất sản xuất năm 2017.

Dự kiến năng suất sản xuất của Nhà máy trong 06 tháng mùa khô là 37 m³/ thành phẩm/ngày; Năng suất sản xuất trong 06 tháng mùa mưa là 30 m³/ thành phẩm/ngày (Sản phẩm loại AB đạt 85%; Loại C đạt 15%) thì năng suất sản xuất năm 2017 như sau:

Nội dung	Sản lượng SX/ngày (m ³)	Số ngày SX m ³ /tháng	Số tháng	Sản phẩm SX (m ³)		
				Cộng	Loại AB 85%	Loại C 15%
Mùa mưa	30	26	6	4.680,0	3.978,0	702,0
Mùa khô	37	26	6	5.772,0	4.906,2	865,8
Cộng				10.452,0	8.884,2	1.567,8

2/. Chi phí sản xuất.

TT	Nội dung chi phí	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	CP nguyên liệu gỗ đầu vào	m ³	1,918	950.000	1.822.100	Tỷ lệ 52,12%
2	Chi phí nhân công trực tiếp	đ/m ³		420.000	420.000	Khoản gộp
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	đ/m ³			172.281	
4	CP quản lý, chi phí khác	đ/m ³			221.151	
5	CP lãi vay (12%/năm)	đ/m ³			113.308	
	Cộng				2.748.840	

Ghi chú :

- Nguyên liệu gỗ đầu vào nhập tại Nhà máy Công ty áp dụng đơn giá 950.000 đồng/m³ (Gỗ có đường kính đầu nhỏ từ 12cm trở lên, không cong queo).

- Đối với chi phí nhân công khoán bình quân 420.000 đ/m³

- Chi phí khấu hao: Tài sản cố định là máy móc thiết bị khấu hao theo phương pháp sản lượng sản xuất; TSCĐ khác khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Chi phí sản xuất : Bao gồm lương, các khoản bảo hiểm của cán bộ quản lý, chi phí tiền điện, chi phí sản xuất...

- Chi phí lãi vay : Tính theo mức lãi vay của Tổng công ty với Ngân hàng với lãi suất vay 12%/năm.

3/. Lợi nhuận sản xuất dự kiến năm 2017.

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa VAT (đ/m ³)	Thành tiền (đồng)
1	Doanh thu bán hàng	m ³	10.452,00		30.205.110.000
-	Loại AB	m ³	8.884,20	3.100.000	27.541.020.000
-	Loại C	m ³	1.567,80	1.550.000	2.430.090.000
-	Phế phẩm rác (15 tấn/ngày)	Tấn	4.680,00	50.000	234.000.000
2	Giá vốn hàng bán		10.452,00	2.748.840	28.730.875.680
3	Lợi nhuận				1.474.234.320

III/. Chế độ tiền lương.

- Tổng quỹ tiền lương KH năm 2017: 19.676,4 triệu đồng. Trong đó:
 - + Lương VC quản lý : 1.284,00 triệu đồng.
 - + Lương VP và CBCNV nhận khoán QL BVR: 13.637,31 triệu đồng.
 - + Lương giao khoán SX ván Veneer : 4.389,84 triệu đồng.
 - + Lương bổ sung lễ, tết : 365,25 triệu đồng.
- Kế hoạch năm 2017, Công ty phấn đấu chi trả lương, thanh các chế độ và nộp bảo hiểm đầy đủ, kịp thời cho CBCNV, không để tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm. Đảm bảo thu nhập của người lao động bằng hoặc cao hơn năm 2016.

IV/. Nộp Ngân sách nhà nước. 3.329,36 triệu đồng.

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Thuế môn bài	Tr.đồng	14,00	
2	Thuế VAT (10% DT Nhà máy)	Tr.đồng	3.020,51	
3	Thuế TNDN (20% LN)	Tr.đồng	294,85	
Cộng			3.329,36	

V/. Kế hoạch trả nợ trong năm 2017.

1/. Kế hoạch trả nợ cho Ngân hàng phát triển Kon Tum.

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục trả nợ vay Dự án PCCCR nguyên liệu giấy Kon Tum phần nợ còn lại trong Quý I/2017 số tiền cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đ)		
		Gốc	Lãi	Cộng
1	Trả nợ DA PCCC	259.631.000	4.500.000	264.131.000
Tổng cộng		259.631.000	4.500.000	264.131.000

2/. Kế hoạch trả nợ cho Tổng công ty Giấy Việt Nam đối với Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất ván Veneer.

TT	Nội dung	Số tiền (đ)		
		Gốc	Lãi	Cộng
1	Vốn vay NH thương mại	1.529.714.000	871.823.934	2.401.537.934
2	Vốn KHCB của Tổng công ty	517.924.734		517.924.734
Tổng cộng		2.047.638.734	871.823.934	2.919.462.668

VIII/. Kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2017

1/. Kế hoạch đầu tư thêm hệ thống máy sấy 3 tầng.

Hiện nay, nhà máy sản xuất ván Veneer đang sản xuất và có hiệu quả, tuy nhiên trong quá trình sản xuất, Công ty nhận thấy nguồn nguyên liệu vẫn còn dồi dào, công suất của dây chuyền tu và bóc gỗ nếu làm thêm ca đêm thì có thể tăng được từ 30 - 40 m³/đêm. Nhưng hiện lò sấy mới chỉ sấy được số gỗ làm ca ban ngày. Do đó ngày 04/5/2016, Công ty đã có tờ trình số 07/TTr-NLGMN.2016 xin Tổng công ty Giấy Việt Nam xem xét phê duyệt chủ trương cho Công ty được triển khai lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thi công các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng, san nền và hệ

thống máy sấy veneer 3 tầng và lò dầu tải nhiệt với khối lượng tạm tính cụ thể như sau (Nguồn vốn thực hiện: Công ty tự vay thương mại và nguồn vốn khác).

- Diện tích nhà xưởng: 1.618 m².
- Khối lượng san nền: 2.233 m².
- Máy sấy veneer 3 tầng: 01 hệ thống.
- Lò dầu tải nhiệt: 01 bộ
- Tổng mức đầu tư: 9.399.324.000 đồng.

2/. Kế hoạch đầu xây dựng bổ sung Bãi chứa gỗ nguyên liệu.

Để đảm bảo dự trữ gỗ nguyên liệu phục vụ sản xuất trong mùa mưa, Công ty cần phải tiếp tục đầu tư bổ sung bãi chứa nguyên liệu. Ngày 08/12/2016, Công ty đã có Tờ trình số 29/TTr-NLGMN.2016 xin chủ trương Tổng công ty Giấy Việt Nam cho Công ty được lập dự án thi công bổ sung Bãi chứa nguyên liệu tại Nhà máy chế biến gỗ ván Miền Nam với diện tích 3.822 m²; Giá trị đầu tư khái toán số tiền là : 1.800 triệu đồng. Nguồn vốn thực hiện từ vốn dịch vụ môi trường rừng và vốn khác của Công ty.

C/. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý lâm nghiệp và chính quyền địa phương, các đối tác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đúng tiến độ.
- Chú trọng đến công tác quản lý bảo vệ & PCCCR, đặc biệt là công tác chống chặt phá lán chiếm rừng và đất rừng, quán triệt tư tưởng CBCNV, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối với người dân sống gần khu vực rừng trồng về công tác QLBV và PCCCR, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác tĩa thưa rừng trồng theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ nhằm mục đích tìm ra những nguyên nhân tồn tại, yếu kém để khắc phục kịp thời nhằm ổn định và nâng cao chất lượng rừng trồng.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ CNVC của Công ty.
- Thực hiện và quản lý tốt công tác sản xuất ván Veneer tại Nhà máy chế biến gỗ, nâng cao năng suất lao động, hạ thấp chi phí sản xuất để đảm bảo có lợi nhuận.

D/. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT.

- Đề nghị Tổng Công ty Giấy Việt Nam hàng năm sớm phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán QLBV-PCCCR trong thời điểm quý I để Công ty kịp thời đăng ký giải ngân vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước với Chi nhánh ngân hàng phát triển Kon Tum và giải ngân vốn kịp thời phục vụ sản xuất.
- Đề nghị Tổng Công ty Giấy Việt Nam sớm phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán chặt tĩa thưa điều tiết mật độ theo Quyết định số 834/QĐ - GVN.PT ngày 27/07/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty giấy Việt Nam.
- Đề nghị Tổng công ty giấy Việt Nam sớm làm việc với các Bộ, ngành, Ngân hàng phát triển Việt Nam trình Chính Phủ để xin cơ chế vay vốn đầu tư cho công tác QLVR khi kéo dài chu kỳ kinh doanh cây thông từ 15 năm lên 25 năm, theo cơ chế vay vốn tại Quyết định 1070/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Tổng công ty giấy Việt Nam sớm có ý kiến chỉ đạo Công ty thực hiện việc khai thác trồng 66 ha rừng thông ba lá trồng năm 2002 trên hợp đồng liên doanh liên kết với Công ty lâm nghiệp Kon Plong, để trả lại đất cho UBND tỉnh Kon Tum thực hiện dự án phát triển khu công nghệ cao và rau hoa xứ lạnh (tại công văn số 102/CV-NLGGMN.2016, ngày 22/11/2016).

- Đề nghị Tổng công ty giấy Việt Nam gia hạn giấy phép khai thác tủa thừa trên phần diện tích đã được cấp phép đến 31/12/2016 Công ty chưa khai thác hết (Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam đã làm Tờ trình xin gia hạn số 114/CV-NLGGMN.2016, ngày 19/12/2016).

Trên đây là báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2017 của Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam. Kính mong sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ và phê duyệt của Tổng công ty Giấy Việt Nam để Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



Công Hữu Chân